

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 857/2024/DS-ST

Ngày: 23/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đẹp

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 63/2024/TLST-DS ngày 26/01/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 482/2024/QĐXXST-DS ngày 30/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 355/2024/QĐST-DS ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Mua bán nợ A

Địa chỉ: xyz Điện Biên Phủ, Phường xy, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông M Y – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Y Q (Giấy uỷ quyền số xyz/2023/TB-WDTC ngày 19/12/2023). Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tầng 3, Toà nhà G, xyz Điện Biên Phủ, Phường xy, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà **Võ Thị T H**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số xyz/ab ấp T, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện; các bản tự khai; các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ A do ông Nguyễn Y Q là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 20/06/2022, Công ty TNHH Mua bán nợ A (sau đây gọi là Công ty A) đã ký hợp đồng chuyển nhượng các khoản phải thu số 2731/2022/TTCN/MAFC-A với Công ty Tài chính TNHH MTV C về khoản nợ của bà Võ Thị T H. Theo đó, vào ngày 21/10/2020, bà Võ Thị T H và Công ty Tài chính TNHH MTV C đã ký Văn bản Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 1721013 để vay tiền với các nội dung sau: Số tiền vay 31.650.000 đồng; Thời hạn vay 24 tháng; Lãi suất 55%/năm; Mục đích vay tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống. Sau khi vay, bà H đã thanh toán được tổng số tiền là 17.557.806 đồng (trong đó tiền gốc là: 12.389.309 đồng; tiền lãi: 5.168.497 đồng). Từ ngày 19/9/2021, bà Võ Thị T H đã không thanh toán mặc dù Công ty A đã thực hiện nhắc nhở bằng nhiều biện pháp. Tổng dư nợ tạm tính tới ngày 23/9/2024 là 81.051.742 đồng (tám mươi một triệu không trăm năm mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó dư nợ gốc là 26.481.503 đồng; lãi trong hạn là 46.486.025 đồng và lãi phạt là 8.084.214 đồng. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của của mình, đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc bà Võ Thị T H có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Công ty A toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tổng dư nợ tạm tính tới ngày 23/9/2024 là 81.051.742 đồng (tám mươi một triệu không trăm năm mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng). Kể từ ngày 24/9/2024 nếu bà Võ Thị T H chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên, bà Võ Thị T H vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn bà Võ Thị T H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác tại nơi cư trú hợp pháp thể hiện trong các văn bản giao dịch của bị đơn, nhưng trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn đã không đến Tòa tham gia tố tụng hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Võ Thị T H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Bị đơn không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hay vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là bà Võ Thị T H. Theo kết quả cung cấp chứng cứ ngày 07/3/2024 của Công an xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh: “Công dân Võ Thị T H, sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú tại xyz/ab ấp T, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, công dân bỏ địa phương đi đâu không rõ, không trình báo với chính quyền địa phương.” Do đó, có cơ sở xác định địa chỉ xyz/ab ấp T, xã Bà Điểm, huyện Hóc

Môn là địa chỉ bà H có hộ khẩu thường trú, là địa chỉ nguyên đơn biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và đó cũng là địa chỉ giao kết trong hợp đồng tín dụng giữa hai bên nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị T H và Công ty tài chính C có ký Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 1721013 ngày 21/10/2020, với mục đích vay là: Tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống. Ngày 20/6/2022, Công ty TNHH Mua bán nợ A đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 2731/2022/TTCN/MAFC-A với Công ty tài chính C về khoản nợ của bà Võ Thị T H. Như vậy, có cơ sở xác định tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng và sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn có ông Nguyễn Y Q là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Ông Nguyễn Y Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Võ Thị T H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về chứng cứ:

[1.3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện gồm: Bản sao y công chứng Hợp đồng chuyển nhượng các khoản phải thu số 2731/2022/TTCN/MAFC-A giữa Công ty TNHH Mua bán nợ A và Công ty tài chính C; Bản sao Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 1721013 ngày 21/10/2020; Điều lệ Công ty TNHH Mua bán nợ A; Bản sao y công chứng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Mua bán nợ A; CMND/CCCD người đại diện theo uỷ quyền; CMND/CCCD khách hàng. Đại diện nguyên đơn xác nhận các tài liệu trên đang lưu trữ trong hồ sơ tại trụ sở của nguyên đơn và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của các tài liệu này. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ với bị đơn, bị đơn không có ý kiến phản đối gì với toàn bộ tài liệu mà nguyên đơn giao nộp. Do đó, những tài liệu, chứng cứ nêu trên có giá trị chứng minh về quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại Điều 92, Điều 93, Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3.2] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về luật áp dụng: Quan hệ tín dụng được xác lập vào ngày 21/10/2020 nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản liên quan để điều chỉnh.

[2.2] Xét quan hệ tín dụng: Xét chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng tại Bản sao Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1721013 ngày 21/10/2020 phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 (Điều 122, Điều 123, và Điều 124 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11) và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 26.481.503 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.3.1] Theo trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cùng với các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình đã xác định:

Công ty tài chính C và nguyên đơn đã ký Hợp đồng chuyển nhượng các khoản phải thu số 2731/2022/TTCN/MAFC-A về khoản nợ của Công ty tài chính C với bị đơn tại bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1721013 ngày 21/10/2020. Theo đó, Công ty tài chính C cho bị đơn vay 31.650.000 đồng (trong đó khoản vay là 30.000.000 đồng và phí bảo hiểm là 1.650.000 đồng),

thời hạn 24 tháng kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận nợ vay, lãi suất 55%/năm; mục đích tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống.

Ngày 22/10/2020, Công ty tài chính C đã giải ngân cho bị đơn số tiền là 30.000.000 đồng theo Phiếu báo nợ có số giao dịch FT20296239060772\BNK do Ngân hàng thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam phát hành. Theo thoả thuận, bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc đều vào ngày 20 định kỳ 01 tháng/lần, số tiền phải trả kỳ đầu ngày 20/11/2020 là 1.823.533 đồng/tháng, kỳ trả nợ gốc cuối cùng ngày 20/10/2023 số tiền là 1.359.439 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chỉ thanh toán cho Công ty tài chính C số tiền nợ gốc tính đến ngày 19/9/2021 là 12.389.309 đồng. Từ ngày 19/9/2021 đến nay, bị đơn không tiếp tục thanh toán theo thoả thuận là vi phạm các điều khoản thoả thuận tại bản Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 1721013 ngày 21/10/2020.

[2.3.2] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán một phần hoặc thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn, tuy nhiên, bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Mặt khác, không có chứng từ nào cho thấy bị đơn đã thanh toán hết số tiền nợ còn lại cho nguyên đơn; cũng như không có tài liệu nào thể hiện bị đơn được cơ cấu lại nợ hoặc giãn nợ.

Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và bản Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 1721013 ngày 21/10/2020, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là 26.481.503 đồng.

[2.3.3] Về yêu cầu trả tiền lãi trong hạn là 46.486.025 đồng, tiền lãi phạt chậm trả là 8.084.214 đồng.

Tại mục 8.3 phần B của Văn bản Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ký số 1721013 ngày 21/10/2020, quy định: “Trả nợ trễ hạn: Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thoả thuận, thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất đã thoả thuận thì Khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả...”.

Hội đồng xét xử nhận thấy, thỏa thuận của các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 và Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước và Nghị quyết số 01/2019/NQ HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn là 46.486.025 đồng, tiền lãi phạt chậm trả là 8.084.214 đồng được chấp nhận.

[2.4] Từ những lập luận trên, xét thấy các yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng; quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi còn thiếu tại bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1721013 ngày 21/10/2020 với tổng số tiền tính đến ngày 23/9/2024 là 81.051.742 đồng (tám mươi một triệu không trăm năm mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó dư nợ gốc là 26.481.503 đồng; lãi trong hạn là 46.486.025 đồng và lãi phạt là 8.084.214 đồng tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 24/9/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.5] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự và thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 275, 280, 365, 405, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ Welocome.

Buộc bà Võ Thị T H chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Mua bán nợ A số tiền còn nợ theo Văn bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 1721013 ngày 21/10/2020 số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2024 tổng cộng là **81.051.742** đồng (tám mươi một triệu không trăm năm mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng), trong đó dư nợ gốc là 26.481.503 đồng; lãi trong hạn là 46.486.025 đồng và lãi phạt là 8.084.214 đồng.

Thanh toán một lần toàn bộ số tiền nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Võ Thị T H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ký số 1721013 ngày 21/10/2020, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **4.052.587** (Bốn triệu, không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm tám mươi bảy) đồng.

Công ty TNHH Mua bán nợ A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Công ty TNHH Mua bán nợ A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.660.118** (Một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn một trăm mười tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0008496 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương